

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019;

Căn cứ Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc; Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc của Công ty TNHH khai thác đá Liên Việt;

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc của Công ty TNHH khai thác đá Liên Việt;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ngày 05/10/2020 (kèm theo hồ sơ) của Công ty TNHH khai thác đá Liên Việt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1186/TTr-STNMT ngày 16 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH khai thác đá Liên Việt (Mã số doanh nghiệp: 2802458479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, có địa chỉ tại nhà Ông Phạm Văn Chinh, thôn Đồng Trôi, xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá) được khai thác khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại núi Bái Mạ, xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 63.169 m²; trong đó, khu vực khai thác là 30.346 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7; khu vực khai trường là 32.823 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 15, 14, 13, 16, 17, 8 và 7 có tọa độ xác định tại Phụ lục 1 và trên Bản đồ khu vực mỏ kèm theo.

- Mức sâu khai thác: Thấp nhất đến cốt +23 m.

- Trữ lượng khoáng sản:

+ Trữ lượng địa chất: 641.000 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 38.460 m³ đá khối để xẻ.

+ Trữ lượng được phép khai thác: 457.463 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 27.448 m³ đá khối để xẻ.

- Công suất khai thác: 30.000 m³/năm.

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

- Thời hạn khai thác: 16 năm, kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 09 tháng.

Điều 2. Công ty TNHH khai thác đá Liên Việt có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

3. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới hạn phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thuê đất theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

5. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ.

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Trước khi tiến hành khai thác, Công ty TNHH khai thác đá Liên Việt phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Công ty TNHH khai thác đá Liên Việt;
- Các Sở: XD, CT, GTVT, TN&MT;
- Công an tỉnh;
- UBND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Lộc Thịnh;
- Lưu: VT, CN (Tungct).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Phụ lục số: 01

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI LÀM VLXD
THƯỜNG THƯỜNG TẠI XÃ LỘC THỊNH, HUYỆN NGỌC LẶC**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điểm góc	TỌA ĐỘ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
	X(m)	Y(m)
1	2220 966.0	551 845.0
2	2220 961.0	551 774.0
3	2220 986.0	551 555.0
4	2221 040.0	551 483.0
5	2221 102.0	551 528.0
6	2220 985.0	551 911.0
7	2220 937.0	551 894.0
8	2220 922.0	551 888.0
9	2220 953.0	551 842.0
10	2220 939.0	551 749.0
11	2220 955.0	551 625.0
12	2220 916.0	551 596.0
13	2220 949.0	551 541.0
14	2220 971.0	551 546.0
15	2221 028.0	551 473.0
16	2220 898.0	551 497.0
17	2220 838.0	551 624.0
18	2220 929.5	551 664.3
19	2220 858.4	551 822.7
Diện tích mỏ S= 63.169 m²		